ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

số: AGIA_TVHN_20240911_1100
Ngày: 11/9/2024

BẢN TIN DỰ BÁO THUỶ VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm tiếp tục xuống trong 2-3 ngày tới, sau đó lên theo triều; mực nước thấp nhất ngày xuống chậm trong 3-4 ngày tới, sau đó lên theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực xuống chậm trong 3-4 ngày tới, sau đó lên chậm.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 11/9 đến 15/9/2024

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		10/9	So với cùng kỳ 2023	So với TBNN	11/9	12/9	13/9	14/9	15/9
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	2.27	0.21	-1.10	2.20	2.11	2.00	2.13	2.28
						Min	1.94	0.41	-1.27	1.91	1.88	1.83	1.80	1.83
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.84	0.06	-0.43	1.76	1.66	1.51	1.66	1.86
						Min	1.18	0.29	-0.67	1.15	1.12	1.07	1.04	1.07
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	3.40	0.36	-0.55	3.37	3.33	3.29	3.31	3.35
						Min	3.35	0.39	-0.61	3.32	3.29	3.25	3.25	3.27
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	2.13	0.16	-0.78	2.06	1.97	1.86	1.99	2.16
						Min	1.71	0.39	-1.00	1.68	1.65	1.60	1.57	1.60
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.78	0.04	-0.13	1.70	1.60	1.45	1.60	1.80
						Min	0.90	0.33	-0.25	0.87	0.84	0.79	0.76	0.79
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.87	0.05	-0.55	1.79	1.69	1.54	1.69	1.89
						Min	1.29	0.30	-0.78	1.26	1.23	1.18	1.15	1.18
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	1.26	0.07	-1.30	1.24	1.21	1.18	1.18	1.20
						Min	1.23	0.06	-1.33	1.20	1.16	1.12	1.12	1.14
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.66	-0.21	-0.76	0.64	0.61	0.58	0.58	0.60
						Min	0.62	-0.25	-0.65	0.59	0.55	0.52	0.52	0.54
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	1.10	-0.04	-0.62	1.08	1.05	1.02	1.02	1.04
						Min	1.04	0.00	-0.64	1.01	0.97	0.93	0.93	0.95
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	1.11	-0.09	-0.21	1.09	1.06	1.03	1.03	1.05
						Min	1.06	-0.09	-0.23	1.03	0.99	0.95	0.95	0.97
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.70	-0.18	-0.65	0.68	0.65	0.62	0.62	0.64
						Min	0.66	-0.19	-0.64	0.63	0.59	0.56	0.56	0.58
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	1.23	-0.06	-0.10	1.21	1.18	1.15	1.17	1.20
						Min	1.11	-0.07	-0.22	1.08	1.04	1.00	1.01	1.05
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.59	-0.01	-0.36	1.57	1.54	1.51	1.53	1.56
						Min	1.37	0.10	-0.47	1.34	1.30	1.26	1.27	1.31
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	1.18	-0.06	-0.24	1.16	1.13	1.10	1.12	1.15
						Min	0.96	-0.01	-0.38	0.93	0.89	0.85	0.86	0.90

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van

Tin phát lúc 11h00 ngày 11/9/2024

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan